

ĐỀ TÀI GIẶT ỦI

I. Lí do chọn đề tài

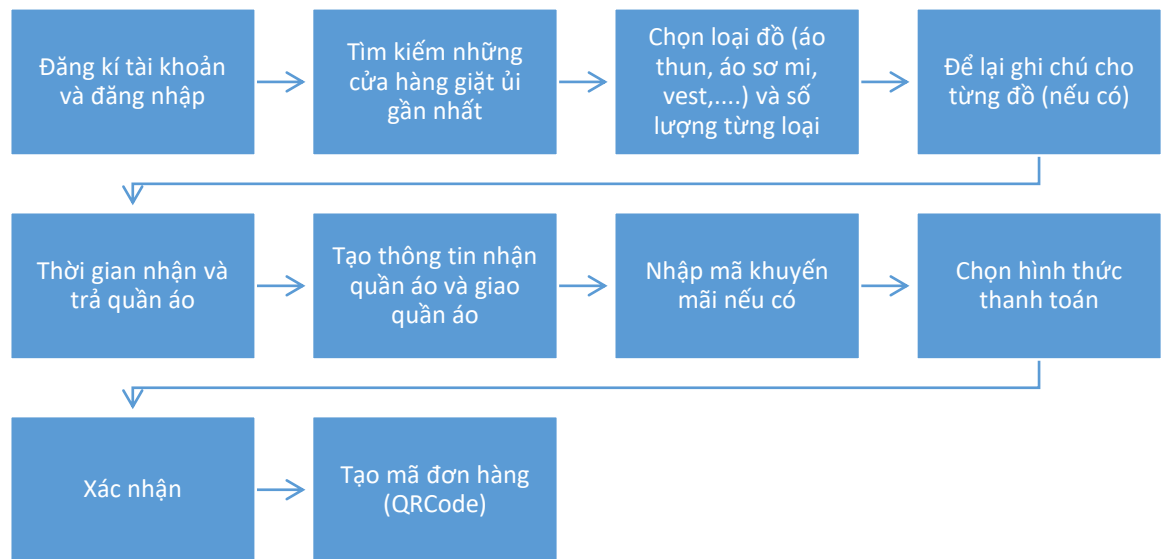
Trong cuộc sống tất bật, mọi người không có quá nhiều thời gian dành cho những công việc nhà như giặt giũ, nấu ăn,... Trong đó giặt giũ là việc mà ai cũng cảm thấy mệt mỏi khi phải giặt một lượng đồ lớn mỗi tuần. Trong trường hợp họ có máy giặt nhưng về khoản các chi tiết cách giặt đúng chuẩn nhất cho từng loại đồ cũng là 1 điều khó khăn vì máy giặt không thể phân loại chính xác được từng loại vải nên giặt theo chế độ nào, nên ta vẫn phải bỏ thời gian để phân loại đồ để giặt với từng chế độ và thời gian để chờ đợi. Xong quá trình giặt, lại tới bước ủi đồ mà ủi đồ cũng cần có kĩ thuật để ủi được nhanh nhất và được một bộ quần áo phẳng phiu nhất để ta luôn nổi bật trong mọi trường hợp. Để giải quyết vấn đề đó, ta thường sẽ tìm ngay đến những cửa hàng giặt ủi và gửi quần áo lại giặt và lại tốn thời gian để từ nhà đến nơi nhận lại quần áo của mình. Trong một số trường hợp, quần áo của mình có thể thất lạc với những người khác mà ta không thể quản lí được hay ta đã yêu cầu giặt như thế nào thì cửa hàng lại không làm đúng theo được có thể vì lí do quên mất yêu cầu của khách hàng, hay chi phí cho việc giặt ủi không được minh bạch, khác nhau qua những lần giặt dù cùng với số lượng và loại đồ và yêu cầu giặt.

Hệ thống xây dựng nên hỗ trợ người dùng tìm kiếm được những cửa hàng giặt ủi (Đã liên kết với dịch vụ) gần mình nhất trong 1 phạm vi giới hạn, chọn lựa được số lượng quần áo cần giặt, cách thức giặt ủi, yêu cầu riêng cho mình, thanh toán trực tuyến, tiền mặt hay tích lũy điểm sau mỗi lần giặt. Bên cạnh đó, người dùng có thể đặt lịch hẹn giao và nhận hàng tùy chọn. Hệ thống còn cho phép người dùng đăng kí dưới hình thức shipper cho hệ thống.

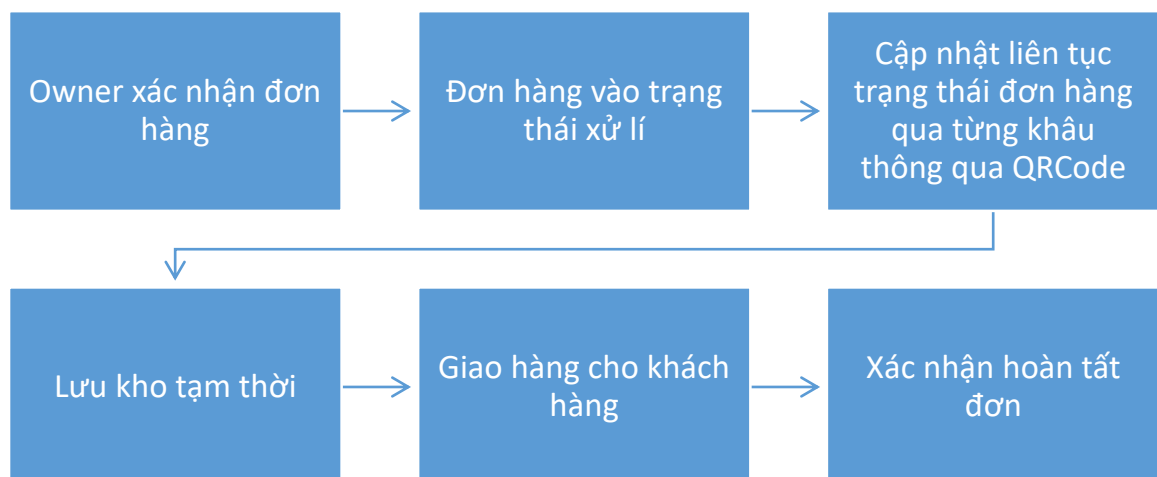
II. Thành phần người dùng

- Khách hàng cần giặt ủi (customer).
- Chủ cửa hàng giặt ủi (owner).
- Admin quản trị hệ thống (admin).
- Công tác viên (collaborator).
- Người giao nhận quần áo (shipper).

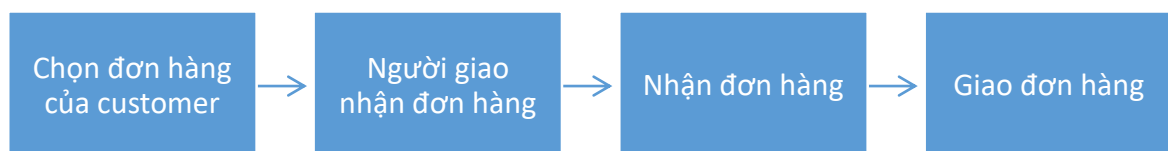
III. Quy trình hoạt động



Hình 1: Quy trình đặt đơn giặt ủi của customer



Hình 2: Mô hình hoạt động của owner



Hình 3: Mô hình hoạt động của shipper

IV. Các công nghệ sử dụng

- Thanh toán qua VISA, MASTERCARD bằng stripe.com.
- Giao diện người dùng customer: Android.
- Giao diện người dùng owner: Web – ReactJS.
- Nhận biết địa chỉ customer: Google Maps API.
- Xây dựng Back End: Java Struts, Hibernate. Hoặc theo hướng Serverless.
- Database: MongoDB Atlas or Google Firebase or Oracle.

V. Các tính năng hệ thống

- Khách hàng cần giặt ủi (customer):
 - o Tìm kiếm những cửa hàng giặt ủi gần nhất.
 - o Tạo đơn hàng giặt ủi.
 - o Đăng nhập, đăng kí qua Google, Facebook, tài khoản mật khẩu.
 - o Đánh giá chất lượng dịch vụ.
 - o Thanh toán trực tuyến, tiền mặt.
 - o Tra cứu các chương trình khuyến mãi.
 - o Quản lí thông tin cá nhân.
 - o Chat với chủ cửa hàng.
 - o Quản lí lịch sử đơn hàng.
- Chủ cửa hàng giặt ủi (owner):
 - o Quản lí đơn hàng của mình.
 - o Quản lí lịch sử đơn hàng.
 - o Quản lí phí cho từng loại chu trình giặt ủi.
 - o Thống kê, báo cáo.
 - o Chương trình khuyến mãi (cần được phê duyệt).
 - o Quản lí thông tin cá nhân.
 - o Chat với người dùng customer và shipper.
- Admin quản trị hệ thống (admin):
 - o Quản lí loại quần áo.
 - o Quản lí các chu trình giặt ủi.
 - o Quản lí khuyến mãi giảm giá.
 - o Quản lí feedback, comment.
 - o Quản lí các hạng khách hàng: thân thiết, bạc, vàng, ...
 - o Quản lí địa chỉ khách hàng.
 - o Thống kê, báo cáo.
 - o Quản lí thông tin cá nhân.
- Công tác viên (collaborator) hay nhân viên (staff):
 - o Quản lí loại quần áo.
 - o Quản lí các chu trình giặt ủi.

- Quản lý khuyến mãi giảm giá.
- Quản lý feedback, comment.
- Quản lý thông tin cá nhân.
- Quản lý các hạng khách hàng: thân thiết, bạc, vàng, ...
- Quản lý địa chỉ khách hàng.
- Người giao nhận quần áo (shipper):
 - Xem được danh sách các đơn hàng cần nhận, cần giao gần mình nhất.
 - Xác nhận là người đảm nhiệm giao hoặc nhận đơn hàng.
 - Quản lý thông tin cá nhân.
 - Quản lý lịch sự giao nhận hàng.
 - Quản lý thu nhập cá nhân.